

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
Ngành đào tạo: VĂN HỌC
Mã số: 8229030
Trình độ đào tạo: THẠC SĨ

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	3
1.1 Giới thiệu về Trường Đại học Sư Phạm - Đại học Đà Nẵng	3
1.2. Giới thiệu về Khoa (đăng ký mở ngành).....	6
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	7
2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Văn học.....	7
2.2. Sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo	11
2.3. Sự phù hợp với xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước	12
III. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	13
3.1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	13
3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học	18
3.3. về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo	28
3.4. Điều kiện về chương trình đào tạo.....	39
IV. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	49
V. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	49

thức và định hướng khởi nghiệp; đối với người học: tôn trọng năng lực cá nhân và tinh thần tập thể; đối với đồng nghiệp: chân thành và đoàn kết; đối với cộng đồng: cống hiến và phục vụ.

1.1.1. Đội ngũ giảng viên

Tổng số cán bộ, viên chức của Trường tính đến 10/2024 là 365 người, với cơ cấu trình độ: 39 Giáo sư/ Phó Giáo sư; 174 Tiến sĩ, 129 Thạc sĩ, 50 Đại học và 18 trình độ khác; trong đó có 244 cán bộ giảng dạy, 18 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong nước và quốc tế.

1.1.2. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Nhà trường đang triển khai đào tạo 34 ngành ở trình độ đại học, 26 ngành và chuyên ngành trình độ Thạc sĩ, 10 ngành trình độ Tiến sĩ và 30 CTĐT loại hình đào tạo chứng chỉ, chứng nhận. Trong 34 ngành đào tạo trình độ đại học, có 19 ngành đào tạo giáo viên. Tất cả chương trình đào tạo (CTĐT), bồi dưỡng của các ngành/chuyên ngành, khóa bồi dưỡng kể trên đều đã được thẩm định, phê duyệt và ban hành. Đối với hệ vừa làm vừa học (VLVH), Nhà trường đang tổ chức đào tạo tại Trường cũng như liên kết với các Trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở đào tạo trong nước để tổ chức đào tạo các trình độ đại học, cao đẳng, đào tạo liên thông và bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường có 06 chương trình liên thông từ cao đẳng lên đại học, 02 chuyên ngành tuyển sinh từ bậc trung học phổ thông và văn bằng hai đối với các ngành đào tạo đại học. Các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận của Trường tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (NVSP), chức danh nghề nghiệp, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông, ứng dụng công nghệ thông tin, tiếng Việt cho nước ngoài, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ hoặc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông... Các chương trình bồi dưỡng này bổ ích cho người học, đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục. CTĐT, bồi dưỡng được xây dựng phù hợp với quy định; luôn được cập nhật, rà soát định kì; đáp ứng và phù hợp nhu cầu của người học cũng như các cơ sở sử dụng lao động.

Năm học 2024 – 2025, Trường có 10.534 sinh viên hệ chính quy bậc đại học, 1.929 học viên cao học và nghiên cứu sinh, 1.609 học viên hệ vừa học vừa làm và hơn 20.000 học viên bồi dưỡng ngắn hạn. Tổng số lưu học sinh nước ngoài đang theo học tại trường là 500 người. Tính đến tháng 10/2024, Trường đã đào tạo được hơn 3.580 tiến sĩ và thạc sĩ.

1.1.3. Tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng

Trung tâm Học liệu và E - Learning của Trường có diện tích 955m², được bố trí tại một khu vực độc lập, rộng rãi, yên tĩnh và thoáng mát; bao gồm hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu, báo chí riêng biệt. Trung tâm Học liệu có ... đầu sách, với số lượng ... cuốn trong đó số lượng số sách gắn với ngành đào tạo cấp bằng của Trường là ... cuốn, có 60 máy tính được nối

mạng internet, có hệ thống phần mềm quản lý sách, giáo trình và tài liệu. Các khâu quản lý và nghiệp vụ đều được tin học hoá. Tài liệu được tra cứu bằng hệ thống máy tính nối mạng. Hệ thống các kho sách được chuyển thành kho mở, thủ tục mượn trả tài liệu được cảm ứng bằng quét mã vạch.

1.1.4. Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin

Khuôn viên của Trường có tổng diện tích 4,67 ha, 31.132 m² sàn xây dựng. Diện tích nơi làm việc: 2118 m², nơi vui chơi giải trí: 6000 m². Tổng diện tích phòng học: 19.526 m², đạt 3,0 m²/1 SV bao gồm 107 phòng học, trong đó có 10 giảng đường có 5 sức chứa từ 100 - 150 chỗ, 01 giảng đường có sức chứa 600 chỗ, đều được trang bị đủ hệ thống thiết bị âm thanh, máy chiếu. Trường hiện có 34 phòng thực hành, thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm được trang bị, nâng cấp hằng năm với nhiều thiết bị hiện đại đáp ứng được việc học tập, nghiên cứu của SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh...; 09 phòng máy tính với hơn 500 máy tính xách tay; 04 phòng thực hành phương pháp dạy học gồm các thiết bị hiện đại như hệ thống bảng tương tác, máy chiếu lập thể, tăng âm, camera ghi hình bài giảng... Khuôn viên Kí túc xá dành cho SV và lưu học sinh nước ngoài đảm bảo diện tích phòng ở 4446 m²; có cảnh quan đẹp, rộng rãi, thoáng mát; đảm bảo tốt mọi sinh hoạt và đảm bảo an ninh. Nhà tập thể dục thể thao (TDDT), Nhà sinh hoạt đa năng đảm bảo tốt việc rèn luyện TDDT thường xuyên và phong trào cho cán bộ và SV toàn Trường. Về công nghệ thông tin, Trường đã trang bị và thiết lập hệ thống dạy học trực tuyến tiên tiến, có thể liên kết nội bộ trong 06 phòng học lớn có sức chứa hơn 1200 SV cùng học tập đồng thời có thể liên kết đến các trường Đại học trong và ngoài nước. Hệ thống máy chủ và mạng cáp quang nội bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo cùng với các phần mềm quản lý hiện đại. Nhà trường đã xây dựng có hiệu quả và thường xuyên cập nhật website để giới thiệu và cung cấp đầy đủ các thông tin có liên quan về công tác quản lý, điều hành dạy học của Trường.

1.1.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Hoạt động NCKH từng bước phát triển, đạt hiệu quả tốt. Nhiều công trình NCKH của Trường được ứng dụng vào thực tiễn giáo dục - đào tạo và đời sống sản xuất như đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD), CGCN nuôi cấy mô cây trồng giúp các địa phương trong khu vực nâng cao năng suất.

Hợp tác quốc tế (HTQT) không ngừng được phát triển theo đúng quy định của pháp luật và đã mang lại nhiều lợi ích cho Nhà trường.

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu với nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo trong nước và ở nước ngoài như: Nga, Pháp, Đức, Bỉ, Mỹ, Anh, Hà Lan, Úc, Canada, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước ASEAN. Các dự án chính đã và đang được thực hiện ở Trường là:

- Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho thanh thiếu niên thành phố Đà Nẵng (WPF).

- Phương pháp Dosaho trong phục hồi chức năng tâm lý với Nhật Bản (Dohsa Psychological Rehabilitation method);
- Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục đại học (HEP2A);
- Chương trình phát triển các trường đại học sư phạm (ETEP);
- Dự án hợp tác về mạng lưới dạy và học theo phương pháp CDIO;
- Phát triển chương trình đào tạo trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu thuộc chương trình ERASMUS + KEY ACTION 2;
- Dự án Hợp tác Đổi mới Giáo dục đại học (PHER).

1.2. Giới thiệu về Khoa Ngữ văn – Truyền thông

Khoa Ngữ văn - Truyền thông là đơn vị trực thuộc trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, có chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực đào tạo giáo viên, Văn học, Ngôn ngữ, Báo chí, Văn hóa học, gắn với sứ mệnh chung của trường và Đại học Đà Nẵng. Khoa có bề dày 50 năm hình thành và phát triển, có nhiều kinh nghiệm đào tạo các cấp học. Về công tác đào tạo, Khoa bắt đầu triển khai bậc đại học từ năm 1994. Hiện nay, Khoa đã và đang phụ trách đào tạo các ngành và chuyên ngành:

1. Văn học Việt Nam (sau đại học: thạc sĩ, tiến sĩ);
2. Ngôn ngữ học (sau đại học: thạc sĩ, tiến sĩ);
3. Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn (phụ trách chuyên ngành: Ngữ văn; bậc thạc sĩ)
4. Sư phạm Ngữ văn (đại học);
5. Cử nhân Văn học (đại học);
6. Cử nhân Văn hóa học (đại học);
7. Cử nhân Báo chí (đại học);
8. Cử nhân Quan hệ công chúng (đại học);

Khoa Ngữ văn - Truyền thông là địa chỉ uy tín trong đào tạo và nghiên cứu, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, các cơ quan báo chí, truyền thông, cơ quan Đảng và Nhà nước ở Trung ương và địa phương, đặc biệt tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Định hướng đến năm 2030, Khoa Ngữ văn- Truyền thông trở thành đơn vị đào tạo đa ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn hàng đầu trong khu vực; đồng thời là cơ sở bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực trọng điểm.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Văn học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là ngành Văn học, ngày càng trở nên cấp thiết. Văn học không chỉ là một ngành khoa học nền tảng góp phần bồi dưỡng tư duy nhân văn, năng lực phân tích và năng lực giao tiếp văn hóa mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển công nghiệp văn hóa, truyền thông sáng tạo, giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng – trung tâm giáo dục, văn hóa, khoa học và công nghệ của khu vực – nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao ngành Văn học đang có xu hướng gia tăng, xuất phát từ các yếu tố sau:

- *Nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và cơ sở đào tạo giáo viên:* Hiện nay, đội ngũ giáo viên có trình độ sau đại học ngành Văn học tại nhiều cơ sở giáo dục trong khu vực còn thiếu và chưa đồng đều về chuyên môn. Việc đào tạo thạc sĩ Văn học sẽ góp phần cung ứng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và hội nhập giáo dục.

- *Nhu cầu nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực liên ngành:* Văn học hiện đại có sự giao thoa mạnh mẽ với các lĩnh vực như truyền thông, báo chí, nghệ thuật, văn hóa, công nghệ số,... Việc đào tạo trình độ thạc sĩ giúp người học nâng cao khả năng nghiên cứu liên ngành, từ đó đóng góp vào các chương trình phát triển văn hóa – xã hội địa phương và quốc gia.

- *Nhu cầu nhân sự trong các ngành công nghiệp sáng tạo và truyền thông:* Ngành Văn học không chỉ dừng lại ở giảng dạy hay nghiên cứu mà còn cung cấp nền tảng tư duy cho nhiều lĩnh vực nghề nghiệp mới như biên kịch, phê bình nghệ thuật, xuất bản, biên tập nội dung số, quảng bá văn hóa... Trong bối cảnh Đà Nẵng đang phát triển mạnh ngành công nghiệp văn hóa và du lịch, nguồn nhân lực có chiều sâu tri thức văn học và khả năng vận dụng sáng tạo là vô cùng cần thiết.

- *Nhu cầu học tập nâng cao trình độ và định hướng học thuật của sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Văn học và các ngành liên quan:* Hiện nay, số lượng cử nhân tốt nghiệp từ các ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Báo chí, Văn hóa học, Quan hệ công chúng từ khoa Ngữ văn – Truyền thông cũng như từ một số trường đại học trong khu vực miền Trung – Tây Nguyên là khá lớn. Trong khi đó, cơ hội học tiếp lên trình độ thạc sĩ ngành Văn học tại chỗ còn hạn chế, khiến nhiều sinh viên phải di chuyển đi Huế hoặc đến các trung tâm lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội để học tập, gây tốn kém và thiếu ổn định nhân lực tại địa phương.

Với vai trò là một cơ sở giáo dục đại học có uy tín tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng có đầy đủ điều kiện và sứ mệnh

trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao ngành Văn học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục và văn hóa của địa phương, khu vực và cả nước.

Trong nhiều năm qua, Khoa Ngữ văn – Truyền thông của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng đã triển khai đào tạo ngành Thạc sĩ Văn học Việt Nam và đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mới của ngành Văn học và yêu cầu thực tiễn của xã hội hiện đại, việc mở rộng phạm vi đào tạo từ Văn học Việt Nam sang Văn học nói chung (bao gồm Văn học nước ngoài, lý luận – phê bình, văn học so sánh và các hướng tiếp cận liên ngành...) là hết sức cần thiết và hợp lý.

Chương trình Thạc sĩ Văn học với định hướng mở và tích hợp này không những kế thừa thế mạnh chuyên môn và kinh nghiệm đào tạo hiện có, mà còn đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của xã hội về nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực nghiên cứu – giảng dạy – truyền thông – công nghiệp văn hóa. Đây cũng là bước phát triển phù hợp với chủ trương hiện đại hóa giáo dục đại học, gắn đào tạo với yêu cầu đổi mới sáng tạo và liên thông quốc tế.

Để đánh giá nhu cầu đào tạo và cơ hội việc làm của người học từ chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Văn học, nhóm xây dựng đề án đã tiến hành khảo sát 132 đối tượng có liên quan đến lĩnh vực Văn học và ngành nghề liên quan, bao gồm ba nhóm chính:

- 74 người là sinh viên năm cuối và cựu sinh viên ngành Văn học tại các cơ sở đào tạo đại học ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên;

- 47 người là giảng viên đại học, giáo viên THPT, biên tập viên, nhà báo hiện đang công tác tại các trường học, cơ quan báo chí – xuất bản tại Đà Nẵng, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Gia Lai, Lâm Đồng;

- 11 người là nhà nghiên cứu, quản lý văn hóa – nghệ thuật tại các viện nghiên cứu, trung tâm văn hóa, nhà hát, bảo tàng, sở văn hóa, ban tuyên giáo các tỉnh thành trong khu vực.

Thông tin mẫu khảo sát:

- *Về giới tính:* Trong số 132 người tham gia khảo sát, có 49 nam (chiếm 37,1%) và 83 nữ (chiếm 62,9%).

Về độ tuổi:

- 22 - 30 tuổi: 56 người (42,4%) – chủ yếu là sinh viên năm cuối và cựu sinh viên;
- 31 - 45 tuổi: 58 người (43,9%) – chủ yếu là giảng viên, giáo viên, phóng viên, biên tập viên;
- Trên 45 tuổi: 18 người (13,7%) – chủ yếu là nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý, giảng viên cao cấp.

Về vị trí, chức danh, chuyên môn:

Trong lĩnh vực đào tạo:

- 22 người là giảng viên đại học;
- 25 người là giáo viên THPT, chủ yếu dạy môn Ngữ văn và Giáo dục Công dân;
- Trong số này có 06 người đang là tổ trưởng chuyên môn Ngữ văn tại các trường THPT.

Trong lĩnh vực báo chí – xuất bản – văn hóa nghệ thuật:

- 09 người là biên tập viên, phóng viên chuyên mục văn hóa – văn nghệ, biên tập viên tại nhà xuất bản;
- 06 người là cán bộ quản lý tại các trung tâm văn hóa – thư viện thành phố;
- 05 người là nhà nghiên cứu tại Viện nghiên cứu phát triển Đà Nẵng, Hội Văn học Nghệ thuật thành phố Đà Nẵng;
- 04 người là lãnh đạo hoặc chuyên viên tại các Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, phòng đào tạo trường đại học;

Tất cả người khảo sát đều có chuyên môn liên quan đến Văn học hoặc đang làm việc trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục - truyền thông.

- Mức độ cần thiết của việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Văn học

Bảng 1. Đánh giá mức độ cần thiết của việc mở ngành Thạc sĩ Văn học

TT	Mức độ cần thiết	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hoàn toàn không cần thiết	0	0
2	Không cần thiết	1	0,8
3	Ít cần thiết	6	4,5
4	Khá cần thiết	36	27,3
5	Rất cần thiết	89	67,4
	Tổng	132	100.0

Kết quả khảo sát cho thấy có đến 67,4% người tham gia đánh giá “rất cần thiết” và 27,3% cho rằng “khá cần thiết” đối với việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Văn học tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Tổng cộng 94,7% cho rằng cần thiết hoặc rất cần thiết, khẳng định sự đồng thuận cao về tính cấp thiết của chương trình đào tạo này.

- Xu hướng nhu cầu tuyển dụng người tốt nghiệp Thạc sĩ Văn học

Bảng 2. Xu hướng nhu cầu tuyển dụng người tốt nghiệp Thạc sĩ Văn học

TT	Nhu cầu tuyển dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tăng	119	90,2
2	Giảm	0	0,0

3	Không thay đổi	13	9,8
	Tổng	132	100.0

90,2% người khảo sát nhận định nhu cầu tuyển dụng người có trình độ Thạc sĩ Văn học sẽ tăng trong những năm tới, đặc biệt ở các lĩnh vực: giảng dạy, biên tập nội dung, truyền thông – sáng tạo văn hóa, và quản lý văn hóa - giáo dục.

- Mức độ sẵn sàng đăng ký học hoặc giới thiệu người học

Bảng 3. Mức độ sẵn sàng đăng ký học hoặc giới thiệu người học nếu chương trình được mở

TT	Ý kiến phản hồi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Sẵn sàng đăng ký học	58	43,9
2	Sẵn sàng giới thiệu người khác đăng ký học	54	40,9
3	Chưa có nhu cầu ngay nhưng sẽ cân nhắc trong tương lai	18	13,6
4	Không có nhu cầu	02	1,5
5	Tổng	132	100.0

Bảng trên thể hiện 84,8% người được khảo sát thể hiện sự quan tâm thực chất đến chương trình Thạc sĩ Văn học, cho thấy tiềm năng tuyển sinh bền vững.

Bên cạnh đó, qua quan sát và phỏng vấn, có thể nhận thấy tình hình các giáo viên THPT và THCS bộ môn Ngữ văn và Giáo dục công dân mong muốn nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đặc biệt là với môn Ngữ văn đang chuyển hướng sang phát triển năng lực đọc hiểu, cảm thụ, và năng lực ngôn ngữ. Nhu cầu từ các đơn vị xuất bản, báo chí, truyền thông số ngày càng tăng, cần những người có khả năng tư duy phê bình, biên tập học thuật, khai thác văn học trong sản phẩm truyền thông. Các trung tâm văn hóa, bảo tàng, nhà hát và thư viện cũng bày tỏ mong muốn tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa – văn học để đảm nhiệm công tác nội dung, tổ chức sự kiện, thuyết minh, nghiên cứu và truyền thông văn hóa. Ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo đang phát triển mạnh tại Đà Nẵng, đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao có nền tảng văn học để tạo lập các sản phẩm nội dung, cổ vấn kịch bản, tổ chức sự kiện, hoặc tư vấn cho các hoạt động truyền thông giàu tính bản sắc.

Tổng hợp các kết quả khảo sát cho thấy việc mở chương trình Thạc sĩ Văn học tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng là cần thiết, cấp bách và có tính khả thi cao. Chương trình sẽ không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, mà còn đóng vai trò kết nối văn học với đời sống xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực văn hóa trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

2.2. Sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo

Đề xuất mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Văn học phù hợp với định hướng phát triển chuyên môn, quy mô và chất lượng đào tạo sau đại học của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, đặc biệt trong bối cảnh Nhà trường xác định “phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục, khoa học xã hội và nhân văn” là một trong những mục tiêu chiến lược trọng tâm giai đoạn 2021–2030.

Với sứ mạng là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ khoa học và chuyên gia có trình độ cao cho khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước, Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN đã không ngừng nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học, mở rộng quy mô các bậc học. Trong đó, việc phát triển đào tạo sau đại học, đặc biệt ở các lĩnh vực thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn, được xem là bước đi chiến lược nhằm khẳng định vai trò học thuật và sứ mệnh khai sáng của nhà trường.

Hiện nay, Khoa Ngữ văn – Truyền thông (trực thuộc Trường ĐHSP – ĐHĐN) có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, trong đó có nhiều tiến sĩ và phó giáo sư được đào tạo từ các cơ sở uy tín trong và ngoài nước, có khả năng đảm nhiệm đào tạo thạc sĩ ngành Văn học ở nhiều chuyên ngành như: Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lý luận – Phê bình văn học, Văn học so sánh và liên văn hóa... Ngoài ra, các hướng nghiên cứu liên ngành giữa văn học — ngôn ngữ, văn học – phương pháp giảng dạy ngữ văn, văn học – nghệ thuật, văn học – văn hóa đại chúng, văn học – truyền thông đang là những ưu thế nổi bật, tạo nền tảng thuận lợi để xây dựng chương trình đào tạo hiện đại, bắt nhịp xu thế mới.

Việc mở ngành Thạc sĩ Văn học tại Trường ĐHSP – ĐHĐN không chỉ là bước phát triển hợp lý trong tiến trình nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu của Nhà trường, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược về phát triển chương trình đào tạo trình độ cao, tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển đổi số và đổi mới giáo dục đại học gắn với bối cảnh xã hội đương đại.

Trong nhiều năm qua, Khoa Ngữ văn – Truyền thông đã tổ chức đào tạo thành công ngành Thạc sĩ Văn học Việt Nam, góp phần cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước. Tuy nhiên, phạm vi đào tạo hiện tại còn giới hạn ở lĩnh vực Văn học Việt Nam, chưa bao quát được các hướng nghiên cứu mới và các yêu cầu học thuật mở rộng như văn học thế giới, lý luận – phê bình hiện đại, văn học so sánh và văn học liên văn hóa.

Do đó, việc đề xuất mở ngành Thạc sĩ Văn học là bước đi cần thiết nhằm mở rộng phạm vi đào tạo, nâng tầm học thuật và đáp ứng yêu cầu thực tiễn cũng như xu hướng hội nhập của giáo dục đại học. Đây cũng là cơ hội để phát triển đồng bộ đội ngũ chuyên gia văn học đa lĩnh vực, phục vụ cho định hướng chiến lược của Nhà trường trong đào

tạo sau đại học chất lượng cao, đổi mới nội dung chương trình, và nâng cao vị thế học thuật trong khu vực.

2.3. Sự phù hợp với xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và xã hội tri thức, ngành Văn học trên thế giới đang có xu hướng chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình nghiên cứu văn học truyền thống sang các hướng tiếp cận đa ngành, xuyên ngành và liên văn hóa. Các chương trình Thạc sĩ Văn học tại nhiều quốc gia tiên tiến hiện nay chú trọng tích hợp văn học với các lĩnh vực như truyền thông, nghệ thuật số, công nghệ sáng tạo, môi trường, di sản văn hóa và chuyển đổi số. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc đào tạo nguồn nhân lực có nền tảng văn học vững vàng, đồng thời có khả năng thích ứng với những vấn đề mới trong xã hội và thị trường lao động toàn cầu.

Tại Việt Nam, định hướng phát triển khoa học xã hội và nhân văn giai đoạn 2021–2030 được thể hiện rõ trong các chiến lược quốc gia như: Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021–2030 (Quyết định 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024), Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/09/2016), và đặc biệt là Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 2239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Trong các văn kiện này, vai trò của ngành Văn học không chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu và giáo dục, mà còn được xác định gắn liền với nền tảng phát triển văn hóa, giáo dục nhân cách, nâng cao năng lực sáng tạo và năng lực truyền thông trong xã hội hiện đại.

Tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng, chiến lược phát triển đô thị thông minh, thành phố đổi mới sáng tạo và trung tâm văn hóa – du lịch – giáo dục của cả nước đang được thúc đẩy mạnh mẽ. Để thực hiện thành công các chiến lược này, cần có sự đóng góp của đội ngũ chuyên gia văn hóa – giáo dục có nền tảng học thuật sâu rộng, tư duy nhân văn và khả năng sáng tạo linh hoạt. Ngành Văn học, với bản chất liên ngành và tính ứng dụng cao trong đời sống tinh thần – xã hội, hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu này nếu được đầu tư đúng mức.

Như vậy, việc mở ngành Thạc sĩ Văn học tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng vừa phù hợp với xu thế phát triển quốc tế của ngành đào tạo, vừa đáp ứng yêu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trình độ cao trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, vùng và cả nước trong giai đoạn mới.

III. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

3.1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Đội ngũ giảng viên đào tạo ngành Văn học trình độ thạc sĩ có sự tham gia của các giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Sư phạm và một số trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng, bao gồm 02 PGS.TS và 10 TS chuyên ngành Văn học, Ngôn ngữ, Hán Nôm, Nhân học, Triết học, Truyền thông.

Bảng 3.1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trần Văn Sáng	042076004816, Việt Nam	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ học	2015		3006003271	Thạc sĩ, 9 năm	2		

2	Nguyễn Phương Khánh	048182001259, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Văn học	2005		4808000486	Thạc sĩ, 7 năm	2	4	
3	Bùi Bích Hạnh	048178005703, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Ngữ văn	2006		0402010763	Thạc sĩ, 10 năm	1		
4	Đàm Nghĩa Hiếu	048189001746, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Văn học Việt Nam	2014		4814016894	Thạc sĩ, 5 năm		1	
5	Nguyễn Quang Huy	042083018456, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam	Văn học Việt Nam	2012		4813008503	Thạc sĩ, 7 năm		1	
6	Vũ Thường Linh	024185006194, Việt Nam	Tiến sĩ, Liên bang Nga, 2017	Ngữ văn	2011		4810031411	Đại học, 15 năm		1	

7	Trần Thị Ánh Nguyệt	040181005806, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngữ văn	2023			4808009692	Thạc sĩ, 2 năm	1	
8	Nguyễn Thanh Trường	00206700896, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Ngữ văn	2010			1496004353	Thạc sĩ, 10 năm	1	
9	Hoàng Sĩ Nguyễn	CCCD: 044064010929 Việt Nam	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Văn học			Từ 01/7/2025	3496049341	Giảng đạy Thạc sĩ từ 2008 năm	2	
10	Nguyễn Thu Trang	011185003384, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Nhân học	2021			010067781	Đại học,	1	
11	Nguyễn Hoàng Thân	049080005830, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngữ văn Hán Nôm	2008			0405007838	Đại học, 17 năm	1	
12	Trần Thị Yến Minh	048186000120, Việt Nam		Tiến sĩ, Anh, 2021	Báo chí	2009			4809012902	Đại học, 14 năm	1	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Bảng 3.2: Danh sách giảng viên chủ trì ngành và chủ trì giảng dạy ngành

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trần Văn Sáng	042076004816 Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Ngôn ngữ học	2015		3306003271	Giảng dạy Thạc sĩ từ 2015 năm	1	2	
2	Nguyễn Phương Khánh	048182001259, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Văn học	2005		4808000486	Thạc sĩ, 7 năm	2	4	

3	Bùi Bích Hạnh	048178005703, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Ngữ văn	2006		0402010763	Thạc sĩ, 10 năm	1	
4	Vũ Thường Linh	024185006194, Việt Nam	Tiến sĩ, Liên bang Nga, 2017	Ngữ văn	2011		4810031411	Đại học, 15 năm	1	
5	Trần Thị Ánh Nguyệt	Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Ngữ văn	2023		4808009692	Thạc sĩ, 2 năm	1	

Bảng 3.3: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Trần Văn Sáng	Ký hiệu học ngôn ngữ và biểu tượng văn chương	2			2	1	GV cơ hữu ngành/giảng dạy/ hướng dẫn luận văn

2	Nguyễn Phương Khánh	- Văn học so sánh và những xu hướng nghiên cứu liên ngành	1	2	1				GV cơ hữu ngành/ giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
		- Văn học Đông Á và diễn ngôn khu vực hóa	4	2	1				
		- Tư tưởng và cách tân nghệ thuật trong văn học Âu – Mỹ đương đại.	4			1	2		
3	Bùi Bích Hạnh	- Giới và văn học	2			2	1		GV cơ hữu ngành/ giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
		- Loại hình tác giả văn học Việt Nam	4	2	1				
		- Văn học đô thị	3			1	2		
4	Đàm Nghĩa Hiếu	- Folklore và văn học	2	2	2				GV cơ hữu ngành/ giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
		- Văn hoá và văn học tộc người Việt Nam	4			2	1		
		- Văn học kỹ thuật số	3			1	2		
5	Nguyễn Quang Huy	- Các xu hướng và đặc trưng thẩm mỹ của văn học Việt Nam	4	2	1				GV cơ hữu ngành/ giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
		- Văn học dân tộc trong bối cảnh toàn cầu	1	2	2				
		- Các khuynh hướng tôn giáo trong văn học Việt Nam	4			2	1		
6	Vũ Thường Linh	- Văn học Nga hiện đại – những vấn đề lý thuyết và lịch sử	4	2	1				GV cơ hữu ngành/ giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
		- Kịch phương Tây – đặc trưng thể loại và ảnh hưởng	4			2	1		
		- Phê bình sinh thái	4	2	1				
7	Trần Thị Ánh Nguyệt	- Hậu nhân bản trong văn học và nghệ thuật	3			2	1		GV cơ hữu ngành/ giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
		- Lý thuyết liên văn bản	4			2	1		

8	Nguyễn Thanh Trường	- Lý thuyết văn học: Nghiên cứu và ứng dụng	1	2	2				GV cơ hữu ngành/ giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
		- Nghiên cứu thể loại văn học	4	2	1				
		- Một số vấn đề về tự truyện đương đại	4	2	1				
		- Chuyển thể văn học	2			2	1		
		- Tiếp nhận và dạy học văn bản văn học theo đặc trưng thể loại	3			2	1		
9	Hoàng Sỹ Nguyên	- Phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hiện công trình khoa học	1	3	0				GV tham gia giảng dạy
		- Folklore và văn học	2	2	2				
10	Nguyễn Thu Trang	- Văn hoá và văn học tộc người Việt Nam	4			2	1		GV tham gia giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
11	Nguyễn Hoàng Thân	- Văn học Đông Á và diễn ngôn khu vực hóa	4	2	1				GV tham gia giảng dạy/ hướng dẫn luận văn
12	Trần Thị Yến Minh	- Văn học và truyền thông	3			2	1		GV tham gia giảng dạy/ hướng dẫn luận văn

Bảng 3.4: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ Thạc sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Hồ Trần Ngọc Oanh, 1985, Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2022	Lý luận và phương pháp giảng dạy Ngôn ngữ	
2	Trần Văn Sáng, 1976, Phó trưởng khoa	Tiến sĩ, 2016	Ngôn ngữ học	
3	Nguyễn Phương Khánh, 1982, Trưởng ngành Văn học	Tiến sĩ, 2016	Văn học nước ngoài	

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm cán bộ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN);

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng ĐHĐN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN;

Căn cứ Quyết định số 4343/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2020 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy chế công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của ĐHĐN;

Căn cứ Công văn số 1759/ĐHĐN-TCCB ngày 09/5/2025 của ĐHĐN về việc hướng dẫn tạm thời quy trình công tác tổ chức bộ máy và nhân sự;

Căn cứ Công văn số 3807/ĐHĐN-TCCB ngày 07/10/2025 của Giám đốc ĐHĐN về công tác cán bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN; căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024, Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 03/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-ĐHSP ngày 14/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Căn cứ Kế hoạch số 1478/KH-ĐHSP ngày 16/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Căn cứ Kết luận số 221-KL/ĐU ngày 24/11/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng khoa Ngữ văn - Truyền thông thuộc Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm TS. Hồ Trần Ngọc Oanh giữ chức vụ Trưởng khoa Ngữ văn - Truyền thông thuộc Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN.

Thời gian giữ chức vụ: 05 năm.

Điều 2. Lương, phụ cấp chức vụ và các khoản phụ cấp khác (nếu có) của TS. Hồ Trần Ngọc Oanh được thực hiện theo quy định hiện hành (hệ số phụ cấp chức vụ: 0,5).

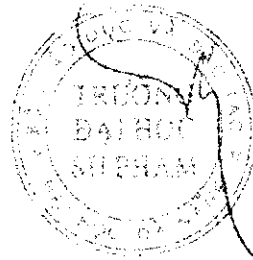
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Tổ chức, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và TS. Hồ Trần Ngọc Oanh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHDN (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



TS. VÀ Văn Minh

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm cán bộ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN);

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng ĐHĐN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2020 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy chế công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của ĐHĐN;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN, Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN và Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-ĐHSP ngày 14/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 07/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc đổi tên Khoa Ngữ văn thành Khoa Ngữ văn - Truyền thông thuộc Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Căn cứ Kế hoạch số 400/KH-ĐHSP ngày 13/3/2025 của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN;

Căn cứ Kết luận số 300-KL/ĐU ngày 17/3/2025 của Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm PGS.TS. **Trần Văn Sáng** giữ chức vụ Phó Trường khoa Ngữ văn - Truyền thông thuộc Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN.
Thời gian giữ chức vụ: 05 năm.

Điều 2. Lương, phụ cấp chức vụ và các khoản phụ cấp khác (nếu có) của PGS.TS. Trần Văn Sáng được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước (hệ số phụ cấp chức vụ: 0,4).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường phòng Tổ chức, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN và PGS.TS. Trần Văn Sáng căn cứ Quyết định thi hành./-./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHDN (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TC.

[Handwritten signature]



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Võ Văn Minh

3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Bảng 3.5: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	2018	Bộ	Sự tương tác các mã văn bản trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI (qua một số tác giả, tác phẩm chọn lọc)	TS. Bùi Bích Hạnh	12/2018	30/12/2018	Đạt		
2	T2021-KN-09	Cơ sở	Văn hóa tộc người trong truyện cổ Bru - Vân Kiều	TS. Đàm Nghĩa Hiếu	236/ QĐ-ĐHSP, 23/2/2023	28/2/2023	Đạt		
3	B2021-DNA-04	Bộ	Sự tái sinh của Huyền thoại gốc	TS. Nguyễn			Đạt	TS. Vũ Thường Linh PGS.TS Ngô Minh Hiền ThS. Nguyễn Phương Ngân	

			trong tiểu thuyết hiện đại Âu - Mỹ	Phương Khánh				PGS.TS Trần Văn Sáng	
4	T2018 – TN – 10	Cơ sở	Mô hình huyền thoại gốc trong văn học phương Tây	TS. Vũ Thường Linh	1864/QĐ-ĐHSP, 05/12/2018	08/12/2018	Đạt	TS. Nguyễn Phương Khánh	
5	B2019-DNA-06	Bộ	Bình diện ký hiệu học qua một số tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông từ cách tiếp cận liên ngành ngôn ngữ với văn chương	PGS. TS. Trần Văn Sáng		2022	Đạt		
6	T2022-TN-14	Cơ sở	Phương thức giao tiếp quốc tế bằng bút đàm của người Quảng Nam trong lịch sử: đặc điểm ngôn ngữ và giá trị tư liệu	TS. Nguyễn Hoàng Thân	217/QĐ – ĐHSP, 22/2/2023	01/3/2023	Đạt	ThS. Phạm Thị Thanh Mai ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Dung	

7	T2022-TN-17	Cơ sở	Tác động của công nghệ thông tin đến năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐH Sư phạm – ĐH Đà Nẵng	TS. Nguyễn Thu Trang	483/QĐ-ĐHSP, 13/3/2024	28/3/2024	Đạt	TS. Hoàng Thị Mai Sa Ngô Văn Định	
8	B2016.ĐNA.11	Bộ	Xây dựng khung tri thức và mô hình lý thuyết trong hoạt động tiếp nhận tác phẩm văn chương ở cấp trung học cơ sở	TS. Nguyễn Thanh Trường	4358/QĐ-BGDĐT, 15/10/2018	9/11/2018	Đạt	TS. Bùi Bích Hạnh	

Bảng 3.6: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Bùi Bích Hạnh, Trần Hải Dương (2020), “ <i>“Nhân vị đàn bà”: quyền năng cái “khác” trong “đồng tử” của Vi Thùy Linh</i> ”, TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, 10 (1), tr. 7 - 26.	
2.	Bùi Bích Hạnh, Trần Hải Dương (2020), “ <i>“Nhân vị yêu” trong Đi qua thương nhớ của Nguyễn Phong Việt</i> ”, TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Tập 10, Số đặc biệt, tr. 25 - 45.	
3.	Bùi Bích Hạnh (2024), “ <i>Một cách đọc thơ Lưu Quang Vũ: từ phê bình cảnh quan</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân, tr. 173 - 182.	
4.	Bùi Bích Hạnh, Trần Thị Ánh Nguyệt (2024), “ <i>Empathy for animals: ecological ethics in Vietnamese contemporary prose</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng.	
5.	Bùi Bích Hạnh, Trần Thị Vân Anh (2025), “ <i>Văn hoá miền núi trong tản văn Đỗ Bích Thủy nhìn từ phê bình cảnh quan</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, tr. 91 - 96.	
6.	Đàm Nghĩa Hiếu (2022), “ <i>Hành động ra đi trong truyện cổ Bru - Vân Kiều từ góc nhìn nhân học</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc.	
7.	Đàm Nghĩa Hiếu (2023), “ <i>Quy ước - một cơ chế thích nghi tinh thần của người Bru - Vân Kiều trong truyện cổ</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc.	
8.	Đàm Nghĩa Hiếu (2023), “ <i>Biểu tượng tự nhiên trong ca dao xứ Quảng</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng.	
9.	Nguyễn Quang Huy (2020), “ <i>The symbol ‘the moon’ in Nguyễn Du’s the tale of Kiều</i> ”, UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education, Vol. 10 No. Special (2020), tr. 83 - 88.	

10.	Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Tấn Tài (2025), “Quan niệm về con người trong truyện ngắn công giáo đương đại”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh, tr. 375 - 388.	
11.	Nguyễn Phương Khánh (2020), “Siêu hư cấu và hiệu ứng droste trong tiểu thuyết Nếu một đêm đông có người lữ khách của Italo Calvino”, TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Vol. 10, Special (2020), tr. 95 – 104.	
12.	Nguyễn Phương Khánh (2021), “Hành trình “chóng mặt” và những cái bẫy của “sự đọc” trong tiểu thuyết Chóng mặt của W.G. Sebald”, TC Nghiên cứu Văn học, 12 – 2021, tr. 55 – 69.	
13.	Nguyễn Phương Khánh (2021), “Dystopian theme in South Korean literature and film”, TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Tập 11, Số 1 (2021), tr. 137-146.	
14.	Nguyễn Phương Khánh (2022), “Sự kiến tạo nơi chốn trong tiểu thuyết Kawabata Yasunari”, UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, Tập 12, Số 1 (2022), tr. 44-55.	
15.	Nguyễn Phương Khánh (2022), “Những mảnh vỡ cảnh quan trong tiểu thuyết của W.G.Sebald: kiến trúc như các “chỉ dấu” của ký ức”, TC Nghiên cứu Văn học, số 4, tr. 56 – 68.	
16.	Nguyễn Phương Khánh (2023), “Người Mỹ trầm lặng – cảnh quan hậu thực dân và bi tình tân thuộc địa”, Cảnh quan Việt Nam trong văn học và điện ảnh: những tiếp cận xuyên văn hoá.	
17.	Nguyễn Phương Khánh (2023), “The journeys and the “rewriting” in Vertigo by WG Sebald”, Вестник Томского государственного университета. Филология, Issue 81, pp. 241-255.	
18.	Nguyễn Phương Khánh (2024), “Tarot và trò chơi trần thuật trong tiểu thuyết <i>Lâu đài của những số phận giao thoa</i> của Italo Calvino”, Vol. 22, No.4, tr. 69 – 74.	
19.	Nguyễn Phương Khánh (2025), “Văn học phản địa đàng và vai trò truyền thông, giáo dục về nguy cơ xã hội hiện đại”, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Vai trò của truyền thông và giáo dục trong kỷ nguyên số”, NXB Đà Nẵng.	
20.	Nguyễn Phương Khánh (2025), “Quá trình giải trung tâm thể loại sci-fi Hàn quốc – nhìn từ trường hợp Save the Green Planet!”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế điện ảnh Danaff 3.	

21.	Nguyễn Phương Khánh, Bùi Điền Nguyên (2025), “Từ “khế ước” đến phản tư: cấu trúc tự thuật trong <i>Những cảnh đời tình lẻ</i> của JM Coetzee”, HNUE Journal of Science Social Science, Volume 70, Issue 3, tr. 61 – 70.	
22.	Vũ Thường Linh (2020), “Chân dung nhân vật Pugachev trong tiểu thuyết <i>Người con gái viên đại úy</i> của A.S.Pushkin: từ nguyên tác tới bản dịch”, Tạp chí Khoa học Xã hội Nhân văn và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, ĐH Đà Nẵng, Tập 10, Số đặc biệt (2020), tr. 105 – 112.	
23.	Vũ Thường Linh (2022), “Tục ngữ trong tiểu thuyết <i>Người con gái viên đại úy</i> (A.S.Pushkin) qua bản dịch của Cao Xuân Hạo”, Tạp chí <i>Khoa học</i> Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Tập 19, số 11(2022), tr. 1902 – 1910.	
24.	Vũ Thường Linh (2022), “Tiếp nhận văn xuôi A.P.Chekhov ở Việt Nam: vấn đề chuyển ngữ từ vựng mang sắc thái văn hóa (Восприятие прозы А.П. Чехова во Вьетнаме: проблема перевода культурно окрашенной лексики)”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế lần thứ VI: Chính sách ngôn ngữ và các vấn đề về giáo dục nhân văn (VI Международная научно-практическая конференция Языковая политика и вопросы гуманитарного образования, г.Пенза, Россия), pp. 284-287.	
25.	Vũ Thường Linh (2023), “Эпиграф в романе А.С.Пушкина “Капитанская дочка” через перевод на вьетнамский язык (Epigraph in A.S. Pushkin’s novel The captain’s daughter through the translation into Vietnamese)”, Tạp chí Tiếng Nga ở nước ngoài (РУССКИЙ ЯЗЫК ЗА РУБЕЖОМ), No.27, pp.86-88.	
26.	Vũ Thường Linh (2023), “Hình tượng người hùng trong sử thi dân gian Nga”, TC Khoa học và Công nghệ ĐH Đà Nẵng, tập 21, số 2, tr. 56 – 59.	
27.	Vũ Thường Linh (2023), “Thiên nhiên và con người trong văn xuôi Mikhail Pristin”, Tạp chí Sông Hương, Số 407, tr. 88 – 96.	
28.	Vũ Thường Linh (2024), “Lời đề từ trong tiểu thuyết <i>Người con gái viên đại úy</i> (A.S. Pushkin) qua bản dịch của Cao Xuân Hạo”, TC Khoa học và Công nghệ ĐH Đà Nẵng, Vol.22, số 4, tr. 65 – 68.	

29.	Vũ Thường Linh (20204), “Преподавание русской литературы в не владеющей русским языком аудитории Вьетнама”, Сборник материалов Четвертой Международной научно-практической конференции РУССКИЙ ЯЗЫК И КУЛЬТУРА В МЕЖДУНАРОДНОМ ОБРАЗОВАТЕЛЬНОМ ПРОСТРАНСТВЕ. pp. 39 – 44.	
30.	Vũ Thường Linh (2024), “Восприятие романа А.С. Пушкина «Капитанская дочка» во Вьетнаме: проблема перевода культурно окрашенной лексики”, Сборник материалов Международной конференции Проблемы преподавания филологических дисциплин иностранным учащимся. pp. 132-135.	
31.	Vũ Thường Linh (2025), “The forest in Mikhail Prishvin’s The pantry of the sun: a cultural and ecological analysis”, TC Khoa học và Công nghệ ĐH Đà Nẵng, Vol.23, No 6B, tr. 108 – 112.	
32.	Trần Thị Yến Minh (2022), “Báo chí khoa học ở Việt Nam – từ góc nhìn của các nhà báo khoa học”, TC Khoa học và Công nghệ ĐH Đà Nẵng, Vol.20, số 8, tr. 7 – 13.	
33.	Trần Thị Yến Minh, Lê Văn Trúc Ly (2022), “Biên tập viên truyền thông xã hội trong các toà soạn báo chí”, Tạp chí Người làm báo, 5/2022, tr. 39 – 41.	
34.	Trần Thị Yến Minh (2022), “News consumption about Covid-19: A snapshot from Vietnam”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - ĐH Đà Nẵng, Vol. 20, No. 6.1, tr. 96 – 102.	
35.	Trần Thị Yến Minh (2023), “News coverage of GMO in Vietnam”, ICRMAR Proceeding 2023, pp. 237 – 245.	
36.	Minh Tran, An Nguyen (2023), “Besieged from all sides: impediments to science journalism in developing country and their global implications”, Jcom Journal of science communication, Vol. 22, Issue 4, pp. 1 – 23.	
37.	Trần Thị Yến Minh (2023), “Phác thảo diện mạo biên tập viên truyền thông xã hội trong các toà soạn báo chí địa phương”, TC Lý luận chính trị và truyền thông, 5/2023, tr. 87 – 91.	
38.	Trần Thị Yến Minh, Trần Văn Vỹ (2024), “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động truyền thông tại các trường đại học – đánh giá tổng quan nghiên cứu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, Kỷ yếu Hội thảo Truyền thông trường đại học trước xu hướng phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo, tr. 180 – 188.	

39.	Hoàng Sĩ Nguyên (2023), “Giá trị giáo dục của đề án Nhà trưng bày Tre Việt tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng”, Tạp chí Thiết bị giáo dục	
40.	Hoàng Sĩ Nguyên (2023), “Natural Resources for Eco-Tourism Development in Da Nang City and Development Solutions”, International Journal of Social Science and Education Research Studies, Volume 03 Issue 09 September 2023	
41.	Trần Thị Ánh Nguyệt, Trần Lê Hồng Phúc (2020), “Cảm thức từ bi mang sắc thái Phật giáo trong văn xuôi sinh thái Việt Nam đương đại viết về động vật”, Tạp chí Khoa học xã hội Trung bộ, số 3 – 2020.	
42.	Trần Thị Ánh Nguyệt (2020), “Giáo dục chủ nghĩa nhân văn sinh thái”, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm 2, số 66, tháng 4/ 2020.	
43.	Trần Thị Ánh Nguyệt, Trần Lê Hồng Phúc (2021), “Motif nhân quả báo ứng trong văn xuôi Việt Nam đương đại từ góc nhìn Phật giáo”, Tạp chí Khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, số 3 – 2021.	
44.	Trần Thị Ánh Nguyệt (2021), “Văn xuôi Việt Nam đương đại từ gợi dẫn của sinh thái nữ quyền”, Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – ĐH Đà Nẵng.	
45.	Trần Thị Ánh Nguyệt (2024), “Empathy for animals: ecological ethics in Vietnamese contemporary prose”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng, Vol 22, No. 6B, tr. 97 - 100.	
46.	Trần Thị Ánh Nguyệt (2024), “Xu hướng "phản lãng mạn" về nông thôn trong văn xuôi Việt Nam đương đại từ góc nhìn phê bình sinh thái”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Số 5 – 204.	
47.	Trần Thị Ánh Nguyệt, Nguyễn Đăng Gia Hy, Nguyễn Thị Thảo Nguyên (2025), “The Mutations of solitude (Yang Phan) – the Human Tragedy in the Posthuman Era”, Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, Vol 23, No 4, tr. 75 - 80.	
48.	Trần Văn Sáng (2020), “Ý nghĩa biểu trưng của con chuột trong ngôn ngữ và tâm thức văn hóa Việt”, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 2, 2020, tr.90-96.	
49.	Trần Văn Sáng (2022), “Semiotics research in Vietnam”, OSR Journal Of Humanities And Social Science (IOSR-JHSS), Volume 27, Issue 6, Series 5, pp. 60-64.	

50.	Trần Văn Sáng, Nguyễn Phương Khánh (2022), “Nguyên mẫu kẻ ngây thơ trong một số tiểu thuyết Việt Nam của Hồ Anh Thái”, Tạp chí Khoa học và Công Nghệ, Đại học Đà Nẵng	
51.	Trần Văn Sáng, Võ Thị Hà An (2022), “Conceptual metaphor of life is a journey in Nguyen Trong Tao's poetry”, OSR Journal Of Humanities And Social Science, 7/2022.	
52.	Nguyễn Hoàng Thân (2024), “Giá trị tư liệu Hán Nôm làng xã huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam”, Nghiên cứu Hán Nôm, tr. 876 – 891.	
53.	Nguyễn Hoàng Thân (2025), “越南古近代社會生活考：以廣南碑文為中心 (Nghiên cứu xã hội cổ cận đại Việt Nam: trường hợp văn bia chữ Hán Quảng Nam)”, 中國文哲研究通訊, số 35/2 (Viện Văn Triết Đài Loan).	
54.	Nguyễn Thu Trang (2021), “THE STATUS OF INTERNATIONAL PUBLICATION CAPACITY OF LECTURERS (A case study at the Vietnam Academy for Ethnic Minorities - Committee for Ethnic Minorities)”, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc, Số 04/2021.	
55.	Nguyễn Thu Trang (2022), “Lịch sử tụ cư của người Hoa ở thương cảng Đà Nẵng”, Tạp chí Địa lý Nhân văn, Số 4, tháng 12 năm 2022, tr. 80-88.	
56.	Nguyễn Thu Trang (2022), “Di cư nội địa của các tộc người thiểu số - nhìn từ lý thuyết lực hút, lực đẩy đến chính sách dân tộc”, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc, số tháng 3 năm 2022.	
57.	Nguyễn Thu Trang (2023), “Tác động của công nghệ thông tin đến học tập và đời sống xã hội của sinh viên dân tộc thiểu số”, Tạp chí Giáo dục, số tháng 9/2023.	
58.	Nguyễn Thanh Trường, Phan Vĩ Phương Uyên (2017), “Aesthetic frames from texts to literary works - in search of "the different" for the artistic fate”, Tạp chí khoa học và Công nghệ ĐHQĐN, 02 (111), quyển 1, tr. 104 – 107.	
59.	Trần Mạnh Tiến, Nguyễn Thanh Trường (2020), “Quan niệm đổi mới thơ ca, nhìn từ thơ Việt Nam đương đại”, Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Tập 10, số 1(2020), tr. 102-111.	
60.	Nguyễn Thanh Trường (2020), “Hình thái diễn ngôn truyện kể và một lối dẫn vào tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> của Vũ Trọng Phụng”, Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Số đặc biệt, tr. 174 – 180.	

61.	Nguyễn Thanh Trường, Vũ Công Hào (2024), “Vị trí và tầm quan trọng của mảng văn học nước ngoài trong cơ cấu chương trình môn Ngữ văn 2018”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 và sách giáo khoa Ngữ văn – thực tế dạy học môn học và những vấn đề đặt ra cho giáo viên”, tr. 285 – 295.	
-----	---	--

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tên bài viết*’, *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tiêu đề bài viết*’, *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Bảng 3.7: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	105	16.268			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1.818			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	11	4.263			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	51	7839			
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	37	2028	Tất cả các HP chung	Kỳ 1 - 4	

1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	80	HP Chuyển thể văn học; Bảo vệ đề cương; Bảo vệ luận văn	Kỳ 2 Kỳ 5-6	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	3	240			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1330			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	44	8622			

Bảng 3.8. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành CTĐT.

Bảng 3.9. Giáo trình phục vụ chương trình đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, không chuyên ngành Triết học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm, 2015	1	Triết học	31645001		

2	Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn)	Đại học Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia-Sự thật, 2017	1	Triết học	31645001		
3	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo sau đại học không chuyên ngành Triết học)	Lê Hữu Ái, Nguyễn Tân Hùng	Đà Nẵng, 2010	1	Triết học	31645001		
4	Giáo trình Ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong thực hiện luận văn thạc sĩ	Lê Trung Thành (ch.b.), Vũ Thành Hưởng, Lê Quốc Hội, Trần Mạnh Dũng, Bùi Văn Hưng	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2024	1	Phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hiện công trình khoa học	31745129		
5	Giáo trình Phương pháp luận Nghiên cứu Khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam, 2004	1	Phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hiện công trình khoa học	31745129		
6	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X-XIX	Trần Nho Thìn	Giáo dục, 2012	1	Văn học dân tộc trong bối cảnh toàn cầu	31735130		

7	Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hoá, văn chương	Itamar Even-Zohar	Thế giới, 2020	1	Văn học dân tộc trong bối cảnh toàn cầu	31735130		
8	Folklore và văn học viết Nghiên cứu từ góc độ “dịch chuyển không gian” trong truyện cổ tích và truyện truyền kì	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	1	Folklore và văn học	31745131		
9	Folklore thế giới - một số công trình nghiên cứu cơ bản	Ngô Đức Thịnh - Frank Proschan	Khoa học xã hội, 2005	1	Folklore và văn học	31745131		
10	Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn học dân gian	Nguyễn Thị Bích Hà	Đại học Sư phạm, 2014	1	Folklore và văn học	31745131		
11	Các lý thuyết và phương pháp văn học	Nhiều tác giả	Hồng Đức, 2009	1	Lí thuyết văn học: Nghiên cứu và ứng dụng	31745132		
12	Nhập môn lí thuyết văn học (Phạm Phương Chi dịch)	Jonathan Culler	Hội Nhà văn, 2020	1	Lí thuyết văn học: Nghiên cứu và ứng dụng	31745132		

13	Việt Nam một thế kỉ tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài	Lã Nguyên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2020	1	Lí thuyết văn học: Nghiên cứu và ứng dụng	31745132		
14	Giáo trình Văn học so sánh	Trần Thị Phương Phương	ĐH Quốc gia TP HCM, 2020	1	Văn học so sánh và các xu hướng nghiên cứu liên ngành	31745133		
15	Vượt qua những ranh giới văn chương: văn học so sánh và những hướng nghiên cứu liên ngành	Khoa Văn học, ĐHKHXH&NV TP HCM	Văn hóa Nghệ thuật, 2019	1	Văn học so sánh và các xu hướng nghiên cứu liên ngành	31745133		
16	Nhập môn Văn học so sánh	Ben Hutchinson	ĐH Quốc gia HN, 2022	1	Văn học so sánh và các xu hướng nghiên cứu liên ngành	31745133		
17	Những cuộc hội ngộ của văn chương thế giới	Khoa Văn học, ĐHKHXH&NV TP HCM	Văn hoá – văn nghệ, 2019	1	Văn học so sánh và các xu hướng nghiên cứu liên ngành	31745133		
18	Văn học và giới	Trần Thiện Khanh, Phùng Gia Thế	Thế giới, Hà Nội, 2016	1	Giới và văn học	31735112		
19	Hậu khoa cử: Nam tính và thẩm mỹ hiện đại ở Việt Nam thời thuộc địa	Ben Tran	Thế giới, 2025	1	Giới và văn học	31735112		

20	Vấn đề phụ nữ ở nước ta (Lại Nguyên Ân giới thiệu, tuyển chọn)	Phan Khôi	Phụ nữ, 2017	1	Giới và văn học	31735112		
21	Thơ trẻ Việt Nam 1965-1975 khuôn mặt cái tôi trữ tình	Bùi Bích Hạnh	Văn học, 2015	1	Văn học đô thị	31735134		
22	Chủ nghĩa hiện sinh: dẫn luận ngắn	Thomas Flynn	Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2022	1	Văn học đô thị	31735134		
23	Cái ác: một thách thức đối với triết học và thần học	Paul Ricoeur	Hồng Đức, 2021	1	Văn học đô thị	31735134		
24	Văn học và điện ảnh	Timothy Corrigan	Thế giới, 2013	1	Chuyển thể văn học	31735135		
25	A Theory of Adaptation	Linda Hutcheon	Routledge, bản dịch tiếng Việt của Hoàng Cẩm Giang, Phạm Minh Diệp, 2006	1	Chuyển thể văn học	31735135		
26	Electronic Literature	Scott Rettberg	Policy, 2019	1	Văn học kỹ thuật số	31735136		
27	Nhập môn lý thuyết văn học	Johnathan Culler	Hội nhà văn, 2020	1	Văn học kỹ thuật số	31735136		

28	Bốn học thuyết truyền thông	Fred S. Siebert - Theodore Peterson - Wilbur Schramm	Tri thức, 2016	1	Văn học và truyền thông	31735137		
29	Lịch sử các lý thuyết truyền thông	Armand Mattelart, Michèle Mattelart	Tri thức, 2015	1	Văn học và truyền thông	31735137		
30	Truyện khoa học viễn tưởng từ Edgar Allan Poe đến Việt Linh	Ngô Bích Thu	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	1	Hậu nhân bản trong văn học và nghệ thuật	31735138		
31	Văn học đại chúng trong bối cảnh văn hóa Việt Nam đương đại	Nguyễn Đăng Điệp	Khoa học Xã hội, 2021	1	Hậu nhân bản trong văn học và nghệ thuật	31735138		
32	Căn tính, thân thể và sinh thái (Một vài thể nghiệm đọc văn chương)	Đặng Thị Thái Hà	Hội Nhà văn, 2019	1	Hậu nhân bản trong văn học và nghệ thuật	31735138		
33	Ký hiệu và biểu tượng: tiếp cận liên ngành ngôn ngữ với văn chương và văn hóa	Trần Văn Sáng	Thuận Hóa, 2022	1	Ký hiệu học ngôn ngữ và biểu tượng văn chương	31735110		
34	Kí hiệu học văn chương: Biểu tượng và văn bản nghệ thuật	Trịnh Bá Đình	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024	1	Ký hiệu học ngôn ngữ và biểu tượng văn chương	31735110		

35	Cơ sở ký hiệu học	Roland Barthes (Nguyễn Quốc Thắng dịch)	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 1 2020	1	Ký hiệu học ngôn ngữ và biểu tượng văn chương	31735110		
36	Phân tích tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại	Trần Đăng Suyền	ĐHSP Hà Nội, 2025	1	Tiếp nhận và dạy học văn bản văn học theo đặc trưng thể loại	31735092		
37	Dẫn luận thi pháp học	Trần Đình Sử	ĐHSP Hà Nội, 2023	1	Tiếp nhận và dạy học văn bản văn học theo đặc trưng thể loại	31735092		
38	Văn bản, tác phẩm và thể loại văn học	Nguyễn Thị Kiều Anh - Nguyễn Thị Vân Anh – Hoàng Thị Duyên – Mai Thị Hồng Tuyết	Giáo dục Việt Nam, 2022	1	Tiếp nhận và dạy học văn bản văn học theo đặc trưng thể loại	31735092		
39	Lí luận văn học	René Wellek Austin Warren	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1 2012	1	Các xu hướng và đặc trưng thẩm mỹ của văn học Việt Nam	31735139		
40	Văn học Việt Nam hiện đại: Tiền trình - Thể loại - Tác giả - Tác phẩm	Nguyễn Văn Long	Đại học Sư phạm, 2024	1	Các xu hướng và đặc trưng thẩm mỹ của văn học Việt Nam	31735139		

41	Loại hình học tác giả văn học- Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam	Trần Ngọc Vương	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999	1	Loại hình tác giả văn học Việt Nam	31735140		
42	Loại Hình Tác Giả Hoàng Đế - Thiên Sư - Thi Sĩ Triều Trần	Nguyễn Hữu Sơn	Khoa học Xã hội, 2022	1	Loại hình tác giả văn học Việt Nam	31735140		
43	Nhập môn Lí thuyết văn học và văn hóa	Peter Barry	Hội Nhà văn, 2023	1	Văn hóa và văn học tộc người Việt Nam	31735141		
44	Tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa	Lê Nguyên Cẩn	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013	1	Văn hóa và văn học tộc người Việt Nam	31735141		
45	Tôn giáo là gì	Paul Tillich	Thế giới, 2025	1	Các khuynh hướng tôn giáo trong văn học Việt Nam	31735142		
46	Lý thuyết Văn học và Văn hóa	Peter Barry	Tri thức, 2021	1	Các khuynh hướng tôn giáo trong văn học Việt Nam	31735142		
47	Văn học cận đại Đông Á từ góc nhìn so sánh	Đoàn Lê Giang (chủ biên)	Tổng hợp Tp HCM, 2016	1	Văn học Đông Á và diễn ngôn khu vực hóa	31735143		
48	Lịch sử phát triển văn học hiện đại Trung Quốc	Ngô Phúc Huy	ĐH Quốc gia HN, 2020	1	Văn học Đông Á và diễn ngôn khu vực hóa	31735143		

49	Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á	Đoàn Lê Giang, Nhật Chiêu, Trần Thị Phương Phương	Văn hoá – Văn nghệ, 2013	1	Văn học Đông Á và diễn ngôn khu vực hóa	31735143		
50	Văn học Nga hiện đại – Những vấn đề lý thuyết và lịch sử	Trần Thị Phương Phương	Văn hoá – Văn nghệ, 2018	1	Văn học Nga hiện đại – những vấn đề lý thuyết và lịch sử	31735144		
51	Giáo trình Văn học Nga thế kỉ XX	Vũ Công Hào	ĐH Quốc gia HN, 2015	1	Văn học Nga hiện đại – những vấn đề lý thuyết và lịch sử	31735144		
52	Văn học Âu – Mỹ thế kỷ XX	Lê Huy Bắc	ĐH Sư phạm HN, 2011	1	Tư tưởng và cách tân nghệ thuật trong văn học Âu – Mỹ đương đại	31735145		
53	Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại	Đặng Anh Đào	ĐHQG HN, 2001	1	Tư tưởng và cách tân nghệ thuật trong văn học Âu – Mỹ đương đại	31735145		
54	Lý luận kịch từ Aristot đến Lessing	Tất Thắng (dịch)	ĐHQG HN, 2015	1	Kịch phương Tây - đặc trưng thể loại và ảnh hưởng	31735146		
55	Giáo trình Văn học phương Tây	Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Căn, Nguyễn Linh Chi	Giáo dục Việt Nam, 2012	1	Kịch phương Tây - đặc trưng thể loại và ảnh hưởng	31735146		

56	Nhập môn văn học và phân tích thể loại	Hoàng Ngọc Hiến	ĐHQG HN, 2018	1	Nghiên cứu thể loại văn học	31735147		
57	Lí luận văn học: Tác phẩm và thể loại văn học, (tập 2)	Trần Đình Sử (chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2008	1	Nghiên cứu thể loại văn học	31735147		
58	Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái	Trần Ánh Nguyệt – Lê Lưu Oanh	Giáo dục, 2023	1	Phê bình sinh thái	31735148		
59	Phê bình sinh thái ở Việt Nam: Vạn vật, thiên tai và xã hội trong Thơ mới (1932 - 1945)	Bùi Thị Thu Thủy; Phạm Phương Chi	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	1	Phê bình sinh thái	31735148		
60	Tiểu thuyết có yếu tố tự truyện trong văn học Việt Nam đương đại	Đỗ Hải Ninh	Khoa học xã hội, 2020	1	Một số vấn đề về tự truyện đương đại	31735149		
61	Structuralist Poetics: Structuralism, linguistics and the study of literature	Johnathan Culler	Routledge London, 2022	1	Một số vấn đề về tự truyện đương đại	31735149		
62	Giáo trình Lý thuyết liên văn bản	Nguyễn Văn Thuấn	Đại học Huế, 2019	1	Lý thuyết liên văn bản	31735150		

63	Intertextuality	Allen Graham	Routledge London, 2000	1	Lý thuyết liên văn bản	31735150		
----	-----------------	--------------	---------------------------	---	------------------------	----------	--	--

3.4. Điều kiện về chương trình đào tạo

3.4.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a) Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

* Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Văn học (định hướng nghiên cứu) đào tạo học viên có kiến thức chuyên sâu tư duy phê bình – sáng tạo và năng lực nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực Văn học, có năng lực vận dụng phương pháp liên ngành và công cụ hiện đại để giảng dạy, nghiên cứu và hội nhập học thuật quốc tế.

* Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu (giống nhau giữa các chuyên ngành)

- **PO1:** Trang bị tri thức chuyên sâu về lý thuyết, lịch sử và phương pháp nghiên cứu văn học, đồng thời cập nhật và ứng dụng các hướng tiếp cận liên ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn hiện đại.
- **PO2:** Phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, sử dụng công cụ số trong thu thập, phân tích, xử lý tư liệu, và vận dụng ngoại ngữ học thuật để tiếp cận, viết và công bố công trình theo chuẩn quốc tế.
- **PO3:** Phát triển tư duy nghiên cứu, phê bình và năng lực ứng dụng tri thức văn học vào các lĩnh vực giảng dạy, biên tập, truyền thông và hoạt động văn hóa – nghệ thuật, phù hợp yêu cầu hội nhập và đổi mới sáng tạo.
- **PO4:** Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức học thuật, ý thức trách nhiệm xã hội và cam kết bảo tồn, phát huy giá trị văn học – văn hóa dân tộc trong phát triển bền vững.

Mục tiêu của chuyên ngành Văn học Việt Nam

PO5a: Phát triển năng lực phân tích, lý giải và nghiên cứu chuyên sâu về tiến trình, văn học Việt Nam trong bối cảnh lịch sử, văn hóa và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu của chuyên ngành Văn học nước ngoài

PO5b: Bồi dưỡng khả năng phân tích, so sánh và khái quát đặc điểm các nền văn học thế giới, qua đó thúc đẩy nghiên cứu giao lưu và đối thoại văn học xuyên quốc gia.

Mục tiêu của chuyên ngành Lý luận văn học

PO5c: Phát triển năng lực vận dụng và sáng tạo trong việc ứng dụng hệ thống lý thuyết, khái niệm và phương pháp phê bình, đồng thời đề xuất hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu văn học đương đại.

b) Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Người học tốt nghiệp CTĐT ngành Văn học Việt Nam bậc Thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt nam có khả năng:

* Chuẩn đầu ra (chung – nếu có nhiều chuyên ngành)

- **PLO1 (Kiến thức nền tảng):** Phân tích và lựa chọn các lý thuyết, trường phái và phương pháp nghiên cứu văn học phù hợp với bối cảnh truyền thống và hiện đại.
 - *PI 1.1. Phân tích các thành tựu của văn học Việt Nam và văn học thế giới trong mối quan hệ với bối cảnh lịch sử – văn hóa.*
 - *PI 1.2. Đánh giá các lý thuyết, trường phái nghiên cứu văn học chủ yếu từ truyền thống đến hiện đại.*
 - *PI 1.3. Vận dụng kiến thức lý thuyết và lịch sử văn học để giải thích trường hợp tác giả, tác phẩm hoặc hiện tượng văn học tiêu biểu.*
- **PLO2:** Đánh giá, so sánh và vận dụng các hướng tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu và giảng dạy văn học.
 - *PI2.1: Phân tích mối quan hệ giữa văn học và các lĩnh vực văn hoá - nghệ thuật.*
 - *PI2.2: Vận dụng ít nhất một phương pháp liên ngành để giải quyết một vấn đề văn học.*
- **PLO3:** Thiết kế và triển khai một đề tài nghiên cứu độc lập, bảo đảm tính khoa học, sáng tạo và khả năng đóng góp mới cho lĩnh vực văn học.
 - *PI3.1: Xây dựng đề cương nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực văn học và liên ngành.*
 - *PI3.2: Thực hiện một nghiên cứu văn học cụ thể và công bố kết quả nghiên cứu dưới dạng bài tiểu luận học thuật, bài báo khoa học hoặc tham luận hội thảo, seminar, workshop chuyên môn.*
- **PLO4:** Ứng dụng công cụ số trong thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu văn bản, đồng thời sử dụng ngoại ngữ học thuật để tiếp cận tri thức, công bố và đối thoại trong môi trường quốc tế.

- **PI4.1:** Vận dụng công cụ số để phân tích hoặc trực quan hóa dữ liệu văn bản; tích hợp kết quả xử lý dữ liệu số vào bài tập, tiểu luận, luận văn để nâng cao tính thuyết phục.
- **PI4.2:** Đọc và tổng hợp tài liệu học thuật bằng ngoại ngữ, vận dụng kết quả vào việc viết tiểu luận hoặc báo cáo nghiên cứu.
- **PLO5:** Vận dụng tư duy phê bình và tri thức văn học để tham gia giảng dạy, biên tập, truyền thông và các hoạt động văn hóa – nghệ thuật trong bối cảnh hội nhập.
- **PI5.1:** Thiết kế và trình bày một chuyên đề giảng dạy/ đào tạo về văn học, phù hợp với mục tiêu giáo dục và bối cảnh học tập cụ thể.
- **PI5.2:** Thực hiện một sản phẩm nghề nghiệp chuyên môn khác (bài nghiên cứu, phê bình, kế hoạch xuất bản, dự án truyền thông văn học, sáng tạo nội dung...) có thể áp dụng trong môi trường học thuật hoặc công nghiệp văn hóa.
- **PLO6:** Thể hiện đạo đức học thuật, tinh thần hợp tác nghiên cứu, đồng thời gắn kết tri thức văn học với giáo dục và đời sống văn hóa – xã hội, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn học trong bối cảnh phát triển bền vững.
- **PI6.1:** Đảm bảo liêm chính học thuật trong các sản phẩm học tập, nghiên cứu.
- **PI6.2:** Thể hiện tinh thần hợp tác, học hỏi, phối hợp trong nhóm học thuật.
- **PI6.3:** Chủ động tham gia hoặc khởi xướng hoạt động cộng đồng liên quan đến văn học – nghệ thuật.

*** Chuẩn đầu ra chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

- **PLO7a:** Vận dụng tri thức chuyên sâu và liên ngành để phân tích, lý giải và phát triển các nghiên cứu về tiến trình, thể loại, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam trong mối quan hệ với lịch sử, văn hóa và hội nhập quốc tế.
- **PI7.1:** Đánh giá tiến trình, thể loại và tác giả tiêu biểu trong văn học Việt Nam bằng khung lý thuyết học thuật, gắn với bối cảnh khu vực và thế giới.
- **PI7.2:** Thực hiện luận văn có đóng góp mới cho nghiên cứu văn học Việt Nam từ góc nhìn chuyên sâu và liên ngành.

3. Chuẩn đầu ra chuyên ngành: Văn học nước ngoài

- **PLO7b:** Phân tích, so sánh và khái quát đặc điểm của các nền văn học thế giới, đặc biệt là những khu vực văn học có ảnh hưởng đến Việt Nam, đồng thời lý giải ảnh hưởng, giao lưu và đối thoại văn học xuyên quốc gia.
- **PI7.3:** So sánh đặc điểm các nền văn học thế giới và phân tích sự giao lưu, ảnh hưởng văn học xuyên quốc gia.
- **PI7.4:** Thực hiện luận văn có ý nghĩa học thuật trong nghiên cứu văn học nước ngoài và văn học so sánh.

4. Chuẩn đầu ra chuyên ngành: Lý luận văn học

- **PLO7c:** Vận dụng các hệ thống lý thuyết, khái niệm và phương pháp phê bình để phát triển nghiên cứu văn học, đồng thời đề xuất cách tiếp cận mới phù hợp với bối cảnh đương đại.
- *PI7.5: Đánh giá và phát triển hệ thống lý thuyết, phương pháp phê bình, nghiên cứu để phân tích các vấn đề văn học.*
- *PI7.6: Thực hiện luận văn đi sâu hướng tiếp cận mới cho nghiên cứu lý luận văn học trong bối cảnh hiện đại.*

3.4.2. Cấu trúc khung chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 3 khối kiến thức: 61 tín chỉ; trong đó có các học phần bắt buộc, học phần tự chọn (bắt buộc), học phần tự chọn (tự do) với số tín chỉ trong mỗi khối được đưa ra trong Bảng 4.1.

Bảng 4.1. Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
I	Khối kiến thức chung	7	7		
II	Khối kiến thức Cơ sở ngành và Chuyên ngành	39			
1	Khối kiến thức Cơ sở ngành	30	15		15
2	Khối kiến thức Chuyên ngành	9	6		3
III	Luận văn tốt nghiệp (định hướng nghiên cứu)	15	15		
Tổng		61	43		18

a) Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			HP học trước/ tiên quyết/ song hành
				LT	TH/Bài tập		
					L1	L2	
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			7	75	30		
1	31645001	Triết học	4	60	0		

2	31745129	Phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hiện công trình khoa học	3	15	30		
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH							
3	31735130	Văn học dân tộc trong bối cảnh toàn cầu	4	45	15		
4	31745131	Folklore và văn học	4	30	30		
5	31745132	Lý thuyết văn học: Nghiên cứu và ứng dụng	4	30	30		
6	31745133	Văn học so sánh và những xu hướng nghiên cứu liên ngành	3	15	30		
<i>Học phần tự chọn</i>							
7	31735112	Văn học và giới	3	30	15		
8	31735134	Văn học đô thị	3	30	15		
9	31735135	Chuyển thể văn học	3	30	15		
10	31735136	Văn học kỹ thuật số	3	30	15		
11	31735137	Văn học và truyền thông	3	30	15		
12	31735138	Hậu nhân bản trong văn học và nghệ thuật	3	30	15		
13	31735110	Ký hiệu học ngôn ngữ và biểu tượng văn chương	3	30	15		
14	31735092	Tiếp nhận và dạy học văn bản văn học theo đặc trưng thể loại	3	15	30		
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH							
Văn học Việt Nam							
15	31735139	Các xu hướng và đặc trưng thẩm mỹ của văn học Việt Nam	3	15	30		
16	31735140	Loại hình tác giả văn học Việt Nam	3	15	30		
<i>Học phần tự chọn</i>							
17	31735141	Văn hoá và văn học tộc người Việt Nam	3	15	30		
18	31735142	Các khuynh hướng tôn giáo trong văn học Việt Nam	3	15	30		
Văn học nước ngoài							
19	31735143	Văn học Đông Á và diễn ngôn khu vực hóa	3	15	30		
20	31735144	Văn học Nga hiện đại – những vấn đề lý thuyết và lịch sử	3	15	30		
<i>Học phần tự chọn</i>							

21	31735145	Tư tưởng và cách tân nghệ thuật trong văn học Âu – Mỹ đương đại	3	15	30		
22	31735146	Kịch phương Tây – đặc trưng thể loại và ảnh hưởng	3	15	30		
		Lý luận văn học					
23	31735147	Nghiên cứu thể loại văn học	3	15	30		
24	31735148	Phê bình sinh thái	3	15	30		
		Học phần tự chọn					
25	31735149	Một số vấn đề về tự truyện đương đại	3	15	30		
26	31735150	Lý thuyết liên văn bản	3	15	30		
27	317155026	Luận văn tốt nghiệp	15	0	225		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			61				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			43				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			18				

b) Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/TN		
1		KIẾN THỨC CHUNG	7	5	2		
	31645001	Triết học	4	4	0		
	31745129	Phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hiện công trình khoa học	3	1	2		
		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	8				
	31735130	Văn học dân tộc trong bối cảnh toàn cầu	4	3	1		
	31745132	Lý thuyết văn học: Nghiên cứu và ứng dụng	4	2	2		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	15				

2		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH					
	31745131	Folklore và văn học	4	2	2		
	31745133	Văn học so sánh và những xu hướng nghiên cứu liên ngành	3	2	1		
		Học phần Tự chọn					
	31735112	Văn học và giới	3	2	1		
	31735135	Chuyển thể văn học	3	2	1		
	31735110	Ký hiệu học ngôn ngữ và biểu tượng văn chương	3	2	1		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	16				
3		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH					
		Học phần Tự chọn					
	31735092	Tiếp nhận và dạy học văn bản văn học theo đặc trưng thể loại	3	2	1		
	31735136	Văn học kỹ thuật số	3	2	1		
	31735134	Văn học đô thị	3	2	1		
	31735138	Hậu nhân bản trong văn học và nghệ thuật	3	2	1		
	31735137	Văn học và truyền thông	3	1	2		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	15	0	0		
4		KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (chọn 1 trong 3 hướng)					
VHVN	31735139	Các xu hướng và đặc trưng thẩm mỹ của văn học Việt Nam	3	1	2		
	31735140	Loại hình tác giả văn học Việt Nam	3	1	2		
		Học phần Tự chọn					
	31735141	Văn hoá và văn học tộc người Việt Nam	3	1	2		
	31735142	Các khuynh hướng tôn giáo trong văn học Việt Nam	3	1	2		
VHNN	31735143	Văn học Đông Á và diễn ngôn khu vực hóa	3	1	2		
	31735144	Văn học Nga hiện đại – những vấn đề lý thuyết và lịch sử	1	1	2		
		Học phần Tự chọn					
	31735145	Tư tưởng và cách tân nghệ thuật trong văn học Âu – Mỹ đương đại	1	1	2		

	31735146	Kịch phương Tây – đặc trưng thể loại và ảnh hưởng	1	1	2		
LLVH	31735147	Nghiên cứu thể loại văn học	1	1	2		
	31735148	Phê bình sinh thái	1	1	2		
		Học phần Tự chọn					
	31735149	Một số vấn đề về tự truyện đương đại	3	1	2		
	31735150	Lý thuyết liên văn bản	3	1	2		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	12	0	0		
5		Bảo vệ đề cương đồ án/ luận văn					
6	317155026	Đồ án/Luận văn tốt nghiệp	15	0	15		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	15	0	15		

3.4.3. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

a) Tiêu chí tuyển sinh

Quy định này cụ thể hóa các quy định về việc tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và các quy định hiện hành.

1. Tiêu chí tuyển sinh

1.1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển kết hợp thi tuyển (ngoại ngữ)

1.2. Hình thức tuyển sinh:

- Trực tiếp hoặc trực tuyến

- Hình thức tuyển sinh trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng để kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

Việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm, do Hiệu trưởng quyết định khi đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định hiện hành.

1.3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Yêu cầu đối với người dự tuyển

1.3.1. Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành gần với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Người tốt nghiệp đại học ngành gần phải tham gia học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường.

b) Người dự tuyển chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập nghiên cứu.

c) Người có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác có thể đăng ký dự tuyển chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng vào ngành quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường.

Danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác và các học phần phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển trình độ thạc sĩ tham khảo tại website: <http://tuyensinh.ued.udn.vn>.

Ghi chú: Bằng đại học, bảng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và học bổ sung các học phần theo quy định của Trường (nếu có).

1.3.2. Về kết quả học bổ sung kiến thức

Đối với thí sinh thuộc diện phải học các học phần bổ sung, thí sinh đăng ký học tại Trường và phải có bảng điểm đạt yêu cầu trước khi xét tuyển.

1.3.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác nêu ở điểm a Khoản 1 Điều này dự thi vào các ngành quản trị, quản lý phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi tính từ khi nhận bằng tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi, có giấy xác nhận của cơ quan công tác.

1.3.4. Về năng lực ngoại ngữ

a) Đối với thí sinh dự tuyển là công dân Việt Nam

Đạt năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các cơ sở giáo dục thành viên của Đại học Đà Nẵng cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục I** hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Thí sinh chưa có các văn bằng hoặc chứng chỉ nêu trên sẽ tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tại Trường và phải đạt năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trước khi xét tuyển.

* Đối với thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài

Đạt trình độ tiếng Việt Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, cụ thể như sau:

- Có chứng chỉ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

- Thí sinh chưa có các văn bằng, chứng chỉ nêu trên sẽ học dự bị tiếng Việt 01 năm tại Trường và phải thi đạt năng lực tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài) do Trường tổ chức.

* Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài, ứng viên phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, cụ thể khi có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ của ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục I** của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.4. Học bổ sung kiến thức

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự tuyển. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định của Nhà trường.

- Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT), Hiệu trưởng ra quyết định ban hành danh mục các học phần phải học bổ sung đối với ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển; việc học bổ sung kiến thức đối với ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng do cơ sở đào tạo khác cấp và các trường hợp khác nếu thấy cần thiết;

- Ứng viên thuộc đối tượng học bổ sung kiến thức phải tham gia học và có kết quả đạt yêu cầu trước thời điểm xét tuyển.

b) Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,5 trở lên;
3. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

3.4.4. Dự kiến tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Theo quy định chung
- Chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo trong 5 hoặc 10 năm đầu: 30-50
- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – ĐHN.

IV. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

V. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ nội dung đã trình bày trong đề án, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng kính đề nghị Đại học Đà Nẵng xem xét và phê duyệt đề án đăng ký mở ngành Văn học trình độ Thạc sĩ. Sau khi đề án được phê duyệt, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng cam kết sẽ thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo người học đúng theo quy định của Nhà trường, Đại học Đà Nẵng và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
[Signature]

**K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn